

Số: /QĐ-SYT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND, ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 760/QĐ-SYT ngày 15/9/2025 của Sở Y tế về việc giao dự toán ngân sách địa phương thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức và người lao động nghỉ việc (nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc) theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 761/QĐ-SYT ngày 15/9/2025 của Sở Y tế về việc giao dự toán ngân sách địa phương thực hiện chính sách tinh giảm biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 816/QĐ-SYT ngày 26/9/2025 của Sở Y tế về việc giao dự toán ngân sách địa phương thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức và người lao động nghỉ việc (nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc) theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, theo phụ lục chi tiết đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban GD Sở Y tế;
- Website SYT;
- Lưu: VT, KHTC (Quảng).

GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Nguyên

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
Chương: 423

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2025 của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai)
(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	TTYT khu vực Bình Long	TTYT khu vực Lộc Ninh	TTYT khu vực Phước Long	Trung tâm Kiểm nghiệm
1	2	3	4=5+6+...	5	6	7	8	9	10
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí								
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.410,86	20.410,86	11.100,57	1.126,83	2.370,92	5.404,32	180,98	227,24
I	Nguồn ngân sách trong nước	20.410,86	20.410,86	11.100,57	1.126,83	2.370,92	5.404,32	180,98	227,24
1	Chi quản lý hành chính	11.100,57	11.100,57	11.100,57	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-						
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	11.100,57	11.100,57	11.100,57					
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	9.310,29	9.310,29	-	1.126,83	2.370,92	5.404,32	180,98	227,24
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-						
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.310,29	9.310,29		1.126,83	2.370,92	5.404,32	180,98	227,24

ml

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2025 của Giám đốc Sở Y tế)

Đvt: Đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.410.861.246
340	Chi quản lý hành chính	11.100.570.816
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Mã nguồn 23)	11.100.570.816
340 - 341	- Kinh phí giải quyết chế độ chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/03/2025 của Chính phủ)	11.100.570.816
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	9.310.290.430
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Mã nguồn 23)	9.310.290.430
130 - 131	Y tế dự phòng	1.354.070.250
130 - 131	- Kinh phí giải quyết chế độ chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/03/2025 của Chính phủ)	1.126.832.850
130 - 131	- Kinh phí thực hiện chính sách tinh giảm biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ	227.237.400
130 -132	Khám bệnh, chữa bệnh	7.956.220.180
130 -132	- Kinh phí giải quyết chế độ chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/03/2025 của Chính phủ)	7.956.220.180